

Số: 02/QĐ-THCS

Kim Sơn, ngày 02 tháng 01 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Nhận dự toán chi ngân sách năm 2020:  
Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2020**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán ngân sách năm 2020 ( Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2020).*

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu Phê duyệt dự toán chi ngân sách năm 2020 - Nguồn thực hiện tự chủ ngân sách năm 2020 của Trường THCS Kim Sơn ( theo biểu mẫu 02 ngày 02 tháng 01 năm 2020).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD &ĐT;
- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Đặng Thị Thảo**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-THCS ngày 02/01/2020 của Hiệu trưởng trường THCS Kim Sơn)

ĐVT: Đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao    |
|------------|----------------------------------------------------|----------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                    |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>241.000.000</b>   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>241.000.000</b>   |
| 1          | Lệ phí                                             |                      |
| 2          | Phí                                                |                      |
| 2.1        | Học phí                                            | 241.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                      |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp</b>                               |                      |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                      |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                      |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                      |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>3.324.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>3.324.000.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                      |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                      |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                      |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>3.324.000.000</b> |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 3.324.000.000        |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |

Đồng Triều, ngày 02 tháng 01 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Thảo